



## **Quyền lực bị kìm hãm:**

**Nguồn gốc những nghi ngờ chiến lược chung trong  
quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc**

**David M. Lampton**

***Nguyễn Thu Thủy dịch, Vũ Minh Long hiệu đính***

**Quyền lực bị kìm hãm:  
Nguồn gốc những nghi ngờ chiến lược chung  
trong quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc<sup>1</sup>**

David M. Lampton

*Nguyễn Thu Thủy<sup>2</sup> dịch, Vũ Minh Long<sup>3</sup> hiệu đính*

---

<sup>1</sup> Tài liệu dịch này mang tính phi lợi nhuận, phi thương mại, do Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc thuộc VEPR (VCES) tổ chức thực hiện. Nguồn: David M. Lampton, *Power Constrained: Sources of Mutual Strategic Suspicion in U.S.-China Relations*, Cục Nghiên cứu Quốc gia về châu Á (NBR), Hoa Kỳ, 6/2010.

Trực tuyến tại: <http://www.nbr.org/publications/element.aspx?id=455#.UikbJNLJa0c>

<sup>2</sup> Sinh viên Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội, thực tập sinh tại VEPR mùa Hè năm 2013.

<sup>3</sup> Nghiên cứu viên của VEPR.

## CỤC NGHIÊN CỨU QUỐC GIA VỀ CHÂU Á

*Chương trình Phân tích NBR* (ISSN 1052-164X) cung cấp kịp thời các bài luận về các quốc gia, sự kiện cùng những vấn đề bàn luận từ các chuyên gia nổi tiếng. Những quan điểm thể hiện trong các bài luận này là quan điểm của chính các tác giả, và không nhất thiết phản ánh quan điểm của các tổ chức nghiên cứu liên kết hay các cơ quan khác hỗ trợ cho NBR.

Cục Nghiên cứu Châu Á quốc gia là một cơ quan nghiên cứu phi lợi nhuận, phi đảng phái phục vụ việc công bố thông tin và củng cố chính sách. NBR tiến hành các nghiên cứu độc lập ở trình độ cao về các vấn đề chiến lược, chính trị, kinh tế, toàn cầu hóa, y tế và năng lượng ảnh hưởng tới mối quan hệ của Hoa Kỳ đối với châu Á. Thông qua việc xây dựng một mạng lưới các chuyên gia hàng đầu thế giới và tận dụng những công nghệ tối tân nhất, NBR đã kết nối các lĩnh vực chính sách, kinh doanh và học thuật lại với nhau. Tổ chức truyền bá các nghiên cứu của mình thông qua những chỉ dẫn, ấn phẩm, các buổi hội thảo, chứng thực Hội nghị, diễn đàn thư điện tử, và thông qua cộng tác cùng các cơ quan hàng đầu trên toàn thế giới. NBR cũng cung cấp các cơ hội thực tập đặc biệt cho các cử nhân cao học và đại học với mục đích thu hút và đào tạo thế hệ chuyên gia tiếp theo về Châu Á. NBR được thành lập năm 1989 nhờ vào khoản đóng góp trợ cấp chủ yếu từ Quỹ Henry M. Jackson.

Tài trợ cho các nghiên cứu và ấn phẩm của NBR đến từ các quỹ tài trợ, các tập đoàn, cá nhân, Chính phủ Mỹ và từ chính bản thân NBR. NBR không thực hiện các nghiên cứu mật hay độc quyền. NBR chỉ thực hiện các công trình dựa trên hợp đồng cho chính phủ và các tổ chức thuộc khu vực tư khi tổ chức có thể giữ nguyên quyền xuất bản các kết quả được phát hiện dựa trên các công trình này.

Báo cáo này có thể được tái bản với mục đích sử dụng cá nhân. Trong các trường hợp khác, *Chương trình Phân tích NBR* không được phép tái bản đầy đủ nếu không có sự cho phép trên hình thức văn bản của NBR. Nếu thông tin từ các ấn phẩm của NBR được đề cập hoặc trích dẫn, vui lòng ghi đầy đủ tên tác giả và Cục Nghiên cứu Quốc gia về Châu Á.

Đây là ấn phẩm thứ 93 của *Chương trình Phân tích NBR*.

NBR là tổ chức phi lợi nhuận, được miễn thuế theo Điều Mục 501 (c) (3) I.R.C, đủ điều kiện nhận được những đóng góp miễn thuế.

© 2010 bởi Cục Nghiên cứu Quốc gia về châu Á.

Xuất bản tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

Để tìm hiểu thông tin nhiều hơn về NBR, vui lòng liên hệ:

CỤC NGHIÊN CỨU QUỐC GIA VỀ CHÂU Á

1414 NE ĐƯỜNG 42, PHÒNG 300.

SEATTLE, WASHINGTON 98105

ĐIỆN THOẠI 206-632-7370

FAX: 206-632-7487

ĐỊA CHỈ E-MAIL: [NBR@NBR.ORG](mailto:NBR@NBR.ORG)

[HTTP://WWW.NBR.ORG](http://WWW.NBR.ORG)

## MỤC LỤC

Lời tựa.....	1
Tóm tắt.....	4
Nhận thức vấn đề rằng không có giải pháp mà “cả hai bên cùng có lợi” .....	9
Tính toán sai lầm quyền lực của Hoa Kỳ và Trung Quốc .....	11
Những mong muốn từ phía Trung Quốc nhằm “thay đổi cuộc chơi” .....	16
Những động thái thách thức và phản ứng lại .....	18
Những hàm ý chính sách.....	24

## Lời tựa

Hoa Kỳ, Trung Quốc, và các mối quan hệ giữa hai quốc gia này cũng như với các quốc gia chủ chốt khác như Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, và khu vực Châu Âu sẽ quyết định cán cân quyền lực kinh tế và quân sự toàn cầu – thật vậy, những mối quan hệ này sẽ quyết định bản chất thực sự của các mối quan hệ quốc tế - trong thế kỷ 21. Trong tương lai gần, Hoa Kỳ và Trung Quốc sẽ sử dụng tiềm lực mạnh nhất nhằm định hình những vấn đề tại Châu Á và trên thế giới. Rủi ro trong quyết định của hai quốc gia này sẽ là các giá trị, thể chế và chính sách định hướng không đơn thuần chỉ là nền kinh tế thế giới, những vấn đề về y tế và môi trường trên toàn cầu, mà còn là những vấn đề về chiến tranh và hòa bình. Nhận thức rõ ràng về lợi ích quốc gia, đánh giá chính xác về quyền lực tương đối, khả năng ngoại giao chiến thuật, việc liên lạc hiệu quả, minh bạch thông tin, và phán quyết hợp lý phải là những hành động không cảm thấy hối tiếc về sau này. Câu hỏi lớn nhất cần đặt ra ngay lúc này là khả năng dàn xếp trong hòa bình của các cường quốc này đối với sự phát triển không đồng đều mà không phải từ bỏ nỗ lực lớn lao cùng những tiến bộ lịch sử đối với các giá trị đã và đang hậu thuẫn những vấn đề của thế giới đương đại.

Trong ấn phẩm mới nhất của Chương trình Phân tích NBR, David M. Lampton đã tiếp nhận vấn đề quan trọng có tính then chốt về các mối quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc. Bên cạnh lập luận rằng các mối quan hệ này nhìn chung vẫn khá bền vững, Lampton cũng lưu ý thêm rằng những trói buộc song phương đang bị tổn hại bởi sự ngờ vực chiến lược, dẫn đến những dao động lên xuống không còn xa lạ trong cách điều hành mối quan hệ này. Lampton dấy lên một tín hiệu cảnh báo, nhắc nhở các quan chức cả hai phía về những hậu quả tiêu cực trên phạm vi rộng nếu mắc sai lầm trong quản lý mối quan hệ này. Bài viết kết luận bằng cách vạch ra chín bước đi cụ thể mà những nhà hoạch định chiến lược tại Trung Quốc và Hoa Kỳ nên thực hiện nhằm điều hành những trói buộc song phương hiệu quả hơn và giảm thiểu sự ngờ vực.

Lampton giải quyết những rắc rối quan trọng trong mối quan hệ này theo một cách tiếp cận dễ dàng đối với các nhà hoạch định chính sách. Việc Cục Nghiên cứu Quốc gia về châu Á (NBR) và Trung tâm Quốc tế Woodrow Wilson cho các Học giả mở đầu Chương trình Nghiên cứu châu Á cấp Quốc gia mới (NARP) là việc làm đúng đắn nhằm khuyến khích và ủng hộ hình thức nghiên cứu và phân tích học thuật này về những vấn đề có hậu quả mạnh

nhất liên quan trực tiếp đến các nhà hoạch định chính sách. Lampton, thuộc lớp thành viên tiên phong trong Chương trình Nghiên cứu châu Á cấp Quốc gia, một phần của sự cố gắng này, sẽ trình bày những phát hiện của ông trong Hội nghị Chính sách Châu Á tại thủ đô Washington trong tháng này.

Richard J. Ellings

Chủ tịch

Cục Nghiên cứu Quốc gia về Châu Á

**Quyền lực bị kìm hãm:  
Nguồn gốc những nghi ngờ chiến lược chung  
trong quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc**

*David M. Lampton*

**David M. Lampton** là Giáo sư nghiên cứu về Trung Quốc thuộc Quỹ George và Sadie Hyman tại Học viện Quan hệ Quốc tế thuộc Đại học John Hopkins, tại đây ông cũng là Trưởng khoa và Giám đốc các chương trình Nghiên cứu về Trung Quốc. Ông cũng là chủ tịch tiên nhiệm của Ủy ban Quốc gia về Quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc. Cuốn sách gần đây nhất của Lampton có nhan đề *Ba mặt của Quyền lực Trung Quốc: Sức mạnh, Tiền bạc và Trí tuệ* (2008). Địa chỉ liên lạc của ông là <dmlampton@jhu.edu>.

**Chú thích:** Người viết mong muốn được cảm ơn sự hỗ trợ nghiên cứu và hiệu đính từ Tabitha Mallory.



## Tóm tắt

### *Luận điểm chính*

Mối quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc về cơ bản là ổn định và sẽ duy trì tình trạng này trong tương lai gần. Thực tế như vậy bởi mối quan hệ này được neo giữ bởi mối bận tâm về những vấn đề nội tại của cả hai xã hội, những cam kết của Hoa Kỳ đang chảy về các khu vực khác, và những yêu cầu hợp tác trong các vấn đề xuyên quốc gia như bùng nổ dân số, an ninh chuỗi sản xuất toàn cầu, năng lượng, môi trường, ổn định nền kinh tế thế giới, và nhiều cơ hội mang lại lợi ích tổng thể khác.

Nhân đang nói về điều này, bài viết trình bày sau đây sẽ nhấn mạnh bốn nguồn gốc những nghi ngờ chiến lược chung rằng, nếu không được nhận được sự quan tâm đầy đủ từ Washington và Bắc Kinh, nó sẽ lan sang các lĩnh vực khác. Các nguồn gốc này bao gồm: (1) diễn giải thách thức trong quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc theo hướng không có giải pháp giúp cả hai bên cùng có lợi, (2) tính toán sai lầm quyền lực của Hoa Kỳ và Trung Quốc, (3) mong muốn từ phía Trung Quốc nhằm “thay đổi cuộc chơi”, và (4) cơ chế thách thức và hành động đáp trả. Bốn hiện tượng này tạo ra một hỗn hợp nguy hại phá hoại dần dần niềm tin chung và là chất xúc tác dẫn tới những xung đột nhiều hơn trong tương lai nếu không được giải quyết thỏa đáng bởi cả hai quốc gia.

### *Hàm ý chính sách*

Chính bởi những nghi ngờ chiến lược chung xuất phát từ nhiều khía cạnh trong quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc, việc kiểm chế và giảm thiểu những ngờ vực này sẽ là một nhiệm vụ dài hạn đòi hỏi cần được thực hiện trên nhiều mặt, bao gồm giáo dục về khả năng lãnh đạo đối với công chúng Trung Quốc và Hoa Kỳ, đàm phán về những tình thế chiến lược, thúc đẩy sự phụ thuộc lẫn nhau một cách có chủ đích, các biện pháp xây dựng niềm tin trên cơ sở đàm phán và đơn phương, xem xét lại chính sách kiểm soát xuất khẩu, trao đổi tích cực, cởi mở hơn quân sự giữa hai bên, tạo thế cân bằng về quyền lực, đồng thời thiết lập các tổ chức đa phương trong khu vực nhằm khuyến khích tin tưởng và ngăn chặn xu hướng liêu lĩnh. Cuối cùng, có thể như một nghịch lý, một nhân tố vô cùng quan trọng là chính Hoa Kỳ lại cần phải củng cố quyền lực quốc gia toàn diện của mình – đặc biệt là nền kinh tế và nền tảng nguồn

nhân lực – bởi sự suy yếu dễ thấy từ Hoa Kỳ là cơ hội gia tăng tiếng nói cho nhiều quốc gia khác, không chỉ riêng Trung Quốc. Hơn nữa, một khi người dân Hoa Kỳ không cảm thấy hài lòng với chính bản thân mình, họ sẽ có thái độ tự vệ đối với các quốc gia khác.

Những nghi ngờ chung mang tính chiến lược trong vòng hơn một thập kỷ qua đã xuất hiện trong rất nhiều tài liệu và bài viết nổi tiếng tại cả Hoa Kỳ và Trung Quốc, từ *Xung đột đang đến gần với Trung Quốc* (The Coming Conflict with China), *Trung Quốc có thể nói không* (China Can Say No), *Trung Quốc chưa hài lòng* (China is Unhappy), *Chiến tranh không hạn chế* (Unrestricted Warfare), và *Sự sụp đổ đang đến gần của Trung Quốc* (The Coming Collapse of China) tới những tác phẩm đang nổi lên như một bộ tài liệu “China on steroids” bao gồm *Khi Trung Quốc thống trị thế giới* (When China Rules the World): và những lý thuyết về hiện thực và địa chiến lược mang tính công kích của John Mearshemer và Robert Kaplan<sup>4</sup>. Rất khó có thể tránh việc đi đến kết luận rằng các yếu tố thể chất khiến cả hai xã hội trở thành những đồng minh không thể thiếu của nhau.

Một chút lưỡng lự trong quan điểm của Hoa Kỳ đã cho chúng ta biết nhiều về việc người Hoa Kỳ tự cảm nhận về mình như thế nào hơn là những thực tế khách quan đang diễn ra tại Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (PRC). Năm 2001, Hoa Kỳ cảm thấy tự hào về bản thân mình trong hào quang chói lọi sau sự sụp đổ của Liên Xô và hành trình thống trị toàn cầu của chế độ dân chủ dựa trên nền tảng của thị trường – đối với nhiều quan sát viên Hoa Kỳ, hệ thống chuyên quyền của Trung Quốc dường như không có nhiều triển vọng. Vào tháng 3 năm 2001, Gordon Chang đã viết:

Mặc dù sự sụp đổ của Liên bang Xô Viết đã nhấn mạnh những khiếm khuyết của việc phát triển quá nhanh, Bắc Kinh lại đang lang thang với những tiến bộ chậm chạp. Bất hạnh có thể đến từ bất kỳ hướng nào. Mao Trạch Đông đã nói rằng chỉ cần một đóm lửa để đốt cháy cả thảo nguyên. Đóm lửa tiếp theo có thể gây ra một đám cháy lớn mà lịch sử sẽ phải ghi nhớ. Bây giờ điều đó chỉ là vấn đề thời gian<sup>5</sup>.

Gần một thập kỷ sau đó, nền kinh tế Hoa Kỳ bị bủa vây bởi tốc độ tăng trưởng GDP âm, trong khi Trung Quốc thì tăng trưởng dương trên mức trung bình một con số. Một xu thế văn học mới nổi lên, chuyển sang hướng cực đoan đối lập, đại diện bởi Martin Jacques

---

<sup>4</sup> Richard Bernstein và Ross H. Munro, *The Coming Conflict with China* (New York: Alfred A. Knopf, 1997); Sung Qiang et al., *Zhongguo keyi shuo bu* [China Can Say No] (Beijing: China Industry and Commerce Press, 1996); Sung Xiaojun et al., *Zhongguo bu gaoxing* [China Is Unhappy] (Nanjing: Jiangsu People's Publishing House, 2009); Qiao Liang và Wang Xiangsui, *Unrestricted Warfare* (Panama City: Pan American Publishing, 2002); Gordon C. Chang, *The Coming Collapse of China* (New York: Random House, 2001); Martin Jacques, *When China Rules the World: The End of the Western World and the Birth of a New Global Order* (New York: Penguin Press, 2009); John J. Mearsheimer, *The Tragedy of Great Power Politics* (New York: W.W. Norton & Company, 2001); và Robert D. Kaplan, “The Geography of Chinese Power: How Far Can Beijing Reach on Land and at Sea?” *Foreign Affairs* (May/June 2010): 22–41.

<sup>5</sup> Chang, *The Coming Collapse*, xx.

(không phải người Mỹ) qua tác phẩm bán rất chạy có tên *Khi Trung Quốc thống trị thế giới* (*When China Rules the World*). Trước khi bắt đầu phần đầu tiên của cuốn sách, với nhan đề “Sự kết thúc của thế giới Phương Tây” (*The End of the Western World*), ông viết:

Mặc dù chúng ta đang chứng kiến sự nổi lên của ngày càng nhiều các quốc gia đang phát triển, Trung Quốc, đến thời điểm này vẫn đóng vai trò kinh tế quan trọng nhất. Do vừa là người chuyên chở vừa là đầu tàu trong thế giới mới, Trung Quốc có được một mối quan hệ bá chủ ngày một gia tăng, tầm ảnh hưởng nhờ đó đã vươn dài xuyên qua cả Đông Á, Trung Á, Nam Á, Mỹ Latinh, và Châu Phi chỉ trong hơn một thập kỷ... Giả định rằng Trung Quốc hứa hẹn sẽ trở nên mạnh mẽ và khác biệt một cách bất thường, sẽ rất khó để phủ nhận ý kiến cho rằng thời điểm Trung Quốc nổi lên sẽ báo hiệu sự ra đời của một trật tự quốc tế mới<sup>6</sup>.

Những nghi ngờ chiến lược chung này được dẫn chứng không chỉ qua các bài viết vội vàng của các học giả và nhà báo tại cả hai quốc gia. Nó cũng được phản ánh rõ ràng trong thực tế về quân sự, bao gồm vụ đánh bom do bất cẩn vào Đại sứ Quán Trung Quốc năm 1999 tại Belgrade và cuộc bạo động xảy ra sau đó tại Bắc Kinh; rắc rối do máy bay trinh sát EP-3 tại Biển Nam Trung Hoa vào năm 2001; một vài xô xát giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc tại các vùng biển phía Đông và Nam Trung Quốc trong giai đoạn 2007-09 và những rắc rối trên biển khác liên quan đến các quốc gia láng giềng của Trung Quốc, ví dụ như Việt Nam; việc phá hoại một vệ tinh lâu năm không được giải thích rõ ràng của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa vào tháng Một năm 2007 và động thái đáp trả mờ hồ từ phía Hoa Kỳ vào năm sau<sup>7</sup>; cuộc thử nghiệm tên lửa chống đạn đạo của Trung Quốc (ABM) vào tháng Một năm 2010; và cuộc chạy đua không hề giấu giếm và vẫn đang diễn ra trong lĩnh vực không gian ảo làm ảnh hưởng tới hệ thống quân sự và dân sự tại cả hai quốc gia, chưa kể đến những rắc rối liên quan đến các quốc gia khác như Ấn Độ và Đức. Tháng Năm năm 2010, Admiral Rober Willard, chỉ huy lực lượng quân đội Hoa Kỳ tại khu vực Thái Bình Dương, tường trình với báo *Financial Times* rằng “sự quyết liệt” ngày càng gia tăng của Trung Quốc “đang làm gia tăng mối quan ngại” trong khu vực<sup>8</sup>.

Những nghi ngờ chung mang tính chiến lược chính vì thế là thách thức trọng tâm trong quan hệ Trung Quốc-Hoa Kỳ, cùng với bốn yếu tố chính thúc đẩy những hiểm họa sẽ được bàn đến dưới đây. Mặc dù vậy, việc cả Bắc Kinh lẫn Washington đều nhận ra những

---

<sup>6</sup> Jacques, *When China Rules the World*, 11.

<sup>7</sup> Cả Trung Quốc và Nga đều nhìn nhận việc này như là hành động che đậy cuộc thử nghiệm vũ khí trong không gian vũ trụ. Xem “US Missile Hits Spy Satellite,” *New Scientist*, February 21, 2008; và James Oberg, “U.S. Satellite Shootdown: The Inside Story,” *IEEE Spectrum*, August 2008.

<sup>8</sup> Kathrin Hille, “US Admiral Warns over Beijing’s ‘Assertiveness,’” *Financial Times*, May 26, 2010.

bước ngoặt trong mối quan hệ giữa hai bên và, không có ngoại lệ, đều rút lại những quyết định mà qua đó càng tạo ra hố sâu khoảng cách lâu dài.

Tại Trung Quốc, trong vòng hơn hai thập kỷ vừa qua đã có nhiều cuộc tranh luận định kỳ về mức độ cương quyết trong mối quan hệ với Washington. Năm cuộc tranh luận nội bộ gần nhất tại Trung Quốc đều đã được giải quyết theo hướng ổn định lại mối quan hệ với Washington, kiểu khoa trương theo chủ nghĩa dân túy được đặt sang một bên. Điều này thực sự trở thành hiện thực sau cuộc bạo động tại Quảng trường Thiên An Môn năm 1989, cuộc khủng hoảng Eo biển Đài Loan 1995-96, cuộc khủng hoảng năm 1999 liên quan tới vụ đánh bom do sơ suất của Hoa Kỳ-NATO vào đại sứ quán Trung Quốc tại Belgrade, và vụ rắc rối EP-3 vào năm 2001, đã được đề cập ở trên. Thật vậy, với uy thế của chính quyền George W. Bush vào năm 2001, giáo sư Jia Qingguo tại đại học Bắc Kinh đã mô tả sự lo lắng và những biện pháp của Bắc Kinh như sau: “Đối diện với Chính Quyền Bush mới không mấy thân thiện, Chính phủ Trung Quốc đã quyết định thực hiện biện pháp tốt nhất trong tình thế khó khăn này và cố gắng kéo mối quan hệ trở lại với quỹ đạo của nó”<sup>9</sup>. Gần đây nhất, cùng với thái độ không hài lòng khá phổ biến mà Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa dành cho việc Hoa Kỳ bán vũ khí cho Đài Loan và cuộc gặp của Tổng thống với Đạt-lai Lạt-ma vào đầu năm 2010, chưa kể đến niềm hãnh diện đang nổi lên của người dân Trung Quốc về việc nền kinh tế đã đứng vững và khỏe mạnh sau cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu giai đoạn 2008-10, cả Bắc Kinh và Washington đều đã thực hiện một điều nhảy tình tế với những bước tiến có lợi cho cả đôi bên và kết thúc bằng một sự phục hồi quan hệ hợp tác khá nhanh chóng.

Tương tự, các cuộc khủng hoảng đã đề cập ở trên đã kiểm định cam kết của Hoa Kỳ trong mối quan hệ này, giống như sự kháng cự của chính quyền George H.W. Bush đối với những biện pháp mang nặng tính răn đe trong giai đoạn 1989-90 nhằm phản ứng với sự kiện Thiên An Môn và việc từ bỏ những chính sách kết nối giữa cải thiện quyền con người tại Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và mở rộng liên tục những đãi ngộ thuế quan “tối huệ quốc” (MFN) đối với Trung Quốc của chính quyền Bill Clinton vào năm 1994. Ở cấp độ thấp hơn, những quyết định lập đi lập lại của Bộ Ngân khố Hoa Kỳ không liệt Trung Quốc vào một quốc gia thao túng tiền tệ chứng tỏ mong muốn của Washington nhằm bảo vệ một mối quan hệ vừa có giá trị sâu xa nhưng cũng gây ra rất nhiều phiền toái.

---

<sup>9</sup> Jia Qingguo, “Learning to Live with the Hegemon: Evolution of China’s Policy toward the US since the End of the Cold War,” *Journal of Contemporary China* 14, no.44 (August 2005): 401.

Nói ngắn gọn, đã và đang tồn tại các lực hướng tâm có cường độ mạnh kéo quan hệ giữa hai quốc gia lại gần nhau, bất chấp sự thật rằng các lực đang kéo theo những hướng đối nghịch nhau này nhận được nhiều sự quan tâm nhiều nhất và sẽ là những chủ đề chủ đạo mà chúng ta sẽ chuyển sang ngay bây giờ.

### **Nhận thức vấn đề rằng không có giải pháp mà “cả hai bên cùng có lợi”**

Một lời diễn giải về vấn đề trong quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc trở nên phổ biến gần đây là của Robert D. Kaplan, người đã đặt lên câu hỏi liệu rằng Hoa Kỳ có thể “hành động để duy trì sự ổn định tại châu Á, bảo vệ các đồng minh của mình tại đây, và kìm hãm sự vươn lên của một Trung Quốc vĩ đại trong khi vẫn tránh được xung đột với Bắc Kinh”<sup>10</sup>. Quan điểm của tôi với phát biểu này không nằm ở mục tiêu duy trì sự ổn định tại châu Á hay trong việc thể hiện cam kết với các đồng minh, mà là việc vạch rõ một phương thức nhằm đạt được những mục tiêu như “kìm hãm sự vươn lên của một Trung Quốc vĩ đại”. Điều này cần thiết là một phép toán có tổng bằng không tiền đề cho những gì Trung Quốc thu được không đem lại lợi ích cho Hoa Kỳ và các đồng minh trong khu vực. Đó là một công thức sẽ gia tăng những nghi ngờ chiến lược chung giữa hai bên. Tuy nhiên, cơ bản nhất là mục tiêu này không thể đạt được.

Diễn giải của Kaplan về mối quan hệ này tồn tại ít nhất hai hạn chế, đầu tiên là việc nó áp đặt Trung Quốc vào vị trí của kẻ gây bất ổn mà không thừa nhận những trường hợp quan trọng mà tại đó Trung Quốc thực sự hoặc có tiềm năng trở thành người ổn định. Ngoài ra còn có một vài nguồn gốc, thuộc quốc gia hay không thuộc quốc gia, gây bất ổn thực sự hoặc có tiềm năng gây bất ổn trong khu vực (đáng chú ý nhất là Bắc Triều Tiên và Pakistan, chưa kể đến những nhóm khủng bố khác), cũng như những thảm họa tự nhiên và kinh tế. Đối với những yếu tố này, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thường đóng vai trò giúp đỡ hữu ích. Trong cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á giai đoạn 1997-98, tăng trưởng kinh tế và sự ổn định tỉ giá của Trung Quốc, bao gồm cả các quỹ bình ổn được Trung Quốc xây dựng cho Thái Lan và Indonesia, đã giảm thiểu tối đa thiệt hại đối với Hong Kong và trấn an cả khu vực. Trong cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu gần đây, Trung Quốc là một cỗ máy bình ổn tăng trưởng đóng góp vào “hơn một phần tư trong một điểm phần trăm của tăng trưởng thế giới vào năm 2009, đóng góp này không thể xem thường (đặc biệt là trong một năm tồi tệ như thế)”<sup>11</sup>. Thêm vào đó xuất khẩu của Hoa Kỳ vào Trung Quốc trong năm 2009 chỉ giảm

<sup>10</sup> Kaplan, “The Geography of Chinese Power,” 39.

<sup>11</sup> Trao đổi qua email của tác giả với Bary Naughton, 18 Tháng Ba, 2010.

0,2%, trong khi tổng xuất khẩu của Hoa Kỳ đến phần còn lại của thế giới giảm khoảng 20% cũng năm đó<sup>12</sup>. Trung Quốc đóng một vai trò kiến thiết trong các cuộc đối thoại sáu bên (nơi mà vấn đề tranh luận có thể là việc bình ổn, dù không hiệu quả, đối với vấn đề phi hạt nhân hóa). Trong khoảng thời gian Tổng thống Đài Loan Chen Shui-bian vẫn còn đang tại vị, từ cuối năm 2003 và sau đó, Washington và Bắc Kinh đã thực hiện nhiều nỗ lực bổ sung cho nhau nhằm duy trì những cố gắng giành độc lập trên hòn đảo này không leo thang lên cấp độ có thể gây nên xung đột giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Dưới chính quyền cả tổng thống George W. Bush và tổng thống Barack Obama, Washington đã nỗ lực hết mức có thể nhằm vận động sự liên kết xuyên eo biển cả về văn hóa và kinh tế như một phần của chiến lược dứt khoát nhằm ổn định Eo biển Đài Loan và xa hơn là cả khu vực. Nhìn rộng hơn, năm 2008 cả Hoa Kỳ và Trung Quốc đều ở cùng chiến tuyến không chấp thuận việc Moscow sử dụng vũ lực đối với Georgia, và cuối năm đó Bắc Kinh đã phái các tàu chiến của hải quân Quân đội Giải phóng Nhân dân (PLA) đến Vịnh Aden, nơi họ đóng một vai trò cứu trợ trong việc ngăn chặn hoạt động của cướp biển<sup>13</sup>. Vì vậy, việc chỉ kêu gọi sự chú ý đến những hành động gây bất ổn thực tế và tiềm tàng của Trung Quốc chính là đang bỏ qua những sự kiện quan trọng mà Trung Quốc đóng góp vào việc bình ổn, hành vi mà Hoa Kỳ sẽ nhìn thấy thường xuyên hơn nữa. Vấn đề không phải quyền lực của Trung Quốc – mà là quyền lực đó được sử dụng như thế nào.

Hạn chế thứ hai trong diễn giải theo kiểu của Kaplan về thách thức quốc gia trong quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc là những vấn đề an ninh đang ngày càng nổi bật không chỉ riêng trong lĩnh vực quân sự mà hơn thế nữa còn đặt ra những vấn đề như sự nóng lên toàn cầu (lĩnh vực mà Trung Quốc đã vượt Hoa Kỳ về lượng khí thải thuần túy vào năm 2006), sự an toàn trong chuỗi chế tạo toàn cầu, an ninh mạng, sự gia tăng nhanh của những công nghệ và vật liệu nguy hiểm, và ngành ngư nghiệp toàn cầu. Không có lý do nào để cho rằng Hoa Kỳ có thể “kim hãm sự vươn lên của một Trung Quốc vĩ đại” và cùng lúc nhận được sự hợp tác của Trung Quốc trong việc giải quyết những thách thức về an ninh xuyên quốc gia. Trong

---

<sup>12</sup> Trao đổi qua email của tác giả với Erin Ennis của Hội đồng Kinh doanh Hoa Kỳ-Trung Quốc, “State Exports to China Resilient in 2009 Despite Recession; Strong Export Growth Emerging in 2010,” April 21, 2010.

<sup>13</sup> Tháng Ba 2010, nhiệm vụ chống cướp biển lần thứ năm của Trung Quốc được triển khai, và theo báo cáo đến thời điểm đó, Hải quân PLA đã hộ tống 1500 tàu cấm cò nước ngoài và Trung Quốc qua các khu vực nguy hiểm. Ian J. Storey, “China Debates the Need for Overseas Bases,” *Straits Times*, April 29, 2010.

bài viết của Kaplan trên tờ *Foreign Affairs* với tựa đề “Vị trí địa lý của Quyền lực Trung Quốc”, thuật ngữ “hợp tác” không xuất hiện dù chỉ một lần<sup>14</sup>.

Chính vì thế, nếu diễn giải theo kiểu của Kaplan về nhiệm vụ chiến lược quốc gia của Hoa Kỳ liên quan tới các mối quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc là chưa đầy đủ, vậy thì diễn giải nào sẽ hiệu quả hơn và ít chuốc lấy thất bại hơn? Các thành phần của một diễn giải như vậy sẽ phải đi kèm với những dòng sau: hợp tác với Trung Quốc và các đối tác khác nhằm duy trì một thế cân bằng quyền lực chủ đạo ổn định trong khu vực; phối hợp với khu vực và Trung Quốc nhằm duy trì và phát triển cơ sở hạ tầng về an ninh và con người cần thiết cho sự phát triển kinh tế và nguồn nhân lực; và giải quyết những vấn đề xuyên quốc gia đang là những thách thức sống còn của thế kỷ này – lương thực, năng lượng, khí hậu, bùng nổ dân số và tính sẵn có của tài nguyên (đặc biệt là vấn đề về nguồn nước), và tăng trưởng kinh tế bền vững. Nói dựa trên những thuật ngữ thực tế hơn, vấn đề là làm thế nào đáp ứng được những nhu cầu của một quyền lực đang nổi lên (Trung Quốc) cho một vị trí và tiếng nói trong hệ thống quốc tế cũng như tránh được sự thiếu bình tĩnh và nóng vội từ quyền lực đó, trong khi, với tư cách quyền lực bá chủ, Hoa Kỳ cần điều chỉnh để tiến tới một thế giới đa cực hơn nơi mà mọi kết quả cần phải được thương lượng, không phải áp đặt.

### **Tính toán sai lầm quyền lực của Hoa Kỳ và Trung Quốc**

Cần phải cùng lúc giữ vững một vài ý kiến mà về mặt nào đó trái ngược nhau liên quan tới Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Trung Quốc đang tăng trưởng mạnh hơn, Trung Quốc có những điểm trọng yếu, Hoa Kỳ có những vấn đề nghiêm trọng, và Hoa Kỳ vẫn còn rất mạnh và có tiềm lực mạnh mẽ để tự khôi phục mình. Đánh giá quá cao bất kỳ yếu tố nào mà không hiệu chỉnh các yếu tố khác sẽ dẫn đến những kết luận sai lầm. Việc phóng đại quyền lực hiện tại và trong trung hạn của Trung Quốc sẽ nuôi dưỡng những nhận thức về nguy cơ và sự phòng thủ từ Hoa Kỳ, giống như việc đánh giá thấp khả năng của Trung Quốc có thể tạo ra những nỗ lực thiếu thận trọng nhằm ép buộc Bắc Kinh theo ý muốn của mình hoặc sai lầm trong việc tiên liệu trước hành vi kiên quyết của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Đánh giá thấp về sức mạnh của Hoa Kỳ từ phía Trung Quốc có thể tạo ra những thái độ dứt khoát thiếu thận trọng. Một điều cũng đúng với thực tế đó là nếu Trung Quốc và Hoa Kỳ

---

<sup>14</sup> Kaplan, “The Geography of Chinese Power.” Tác giả đã sử dụng máy quét điện tử chụp văn bản này để có được sự kết nối trong từ ngữ.



không có những đánh giá thực tiễn về điểm mạnh và điểm yếu của chính mình, đó cũng sẽ là một phương thức dẫn đến tính toán sai lầm<sup>15</sup>.

Hoa Kỳ đến thời điểm này vẫn nắm vai trò chi phối kinh tế toàn cầu về cả giá trị tuyệt đối lẫn giá trị đầu người. Mặc dù Trung Quốc đã có những bước tiến ấn tượng về sức mạnh kinh tế, quốc gia này vẫn chỉ thực hiện điều này từ một nền tảng thấp và tỉ trọng trong GDP toàn cầu vẫn chỉ là một phần nhỏ trong lượng GDP mà về cơ bản lượng dân số khổng lồ của Trung Quốc cần có để đạt được sự bình đẳng. Mặc dù hiện tại vẫn còn rất khiêm tốn, tỉ trọng của Trung Quốc trong GDP toàn cầu, tính theo tỉ giá hối đoái của GDP thực tế năm 2005, đã gia tăng nhanh chóng trong thời kỳ đổi mới, leo cao từ 0,91% năm 1978 lên 6,96% vào năm 2009<sup>16</sup>. Tỉ trọng của Trung Quốc trong thương mại toàn cầu đã gia tăng từ 0,80% năm 1978 lên đến 7,70% vào năm 2007. Trong một trích đoạn đầy ý nghĩa, Trung Quốc đã và đang gia tăng không ngừng tỉ trọng của mình trên toàn cầu, mặc dù quốc gia này vẫn còn cả một quãng đường dài để cải thiện cả giá trị tuyệt đối lẫn giá trị trên đầu người.

Hoa Kỳ đã tương đối thành công trong việc duy trì tỉ trọng trong sản lượng toàn cầu của mình – thành công hơn nhiều so với Liên minh châu Âu (EU) hay Nhật Bản. Bộ Số liệu Vĩ mô Thế giới của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ chỉ ra rằng vào năm 1969, EU-15 chiếm 35,78% GDP toàn cầu (thời kỳ đỉnh cao) và chỉ còn 27,00% vào năm 2009. Nhật Bản vào thời kỳ đỉnh cao năm 1982 đạt 11,08% GDP toàn cầu, và giảm xuống 8,69% vào năm 2009. Trái ngược với đó, Hoa Kỳ lại duy trì tỉ trọng GDP toàn cầu của mình tương đối tốt – thời kỳ đỉnh cao đạt 30,67% năm 2002, và đạt 29,26% vào năm 2009<sup>17</sup>. Chuyển sang khu vực sản xuất, lao động tại Hoa Kỳ trong khu vực sản xuất đã giảm qua nhiều năm<sup>18</sup>, điều này đã thúc đẩy quan điểm bảo hộ tại Hoa Kỳ, nhưng sự suy giảm này thực tế lại liên quan đến gia tăng năng suất lao động thông qua tự động hóa hơn là do Trung Quốc<sup>19</sup>. Mặc dù tỉ trọng sản xuất toàn cầu của Hoa Kỳ là 13,0% vào năm 1980, đã giảm xuống 9,2% vào năm 2008<sup>20</sup>. Nhưng

---

<sup>15</sup> David M.Lampton, “The U.S. Image of Peking in Three International Crises,” *Western Political Quarterly* 26, no. 1 (March 1973): 28–50.

<sup>16</sup> “Real Historical Gross Domestic Product (GDP) Shares and Growth Rates of GDP Shares for Baseline Countries/Regions (in percent) 1969–2009,” U.S. Department of Agriculture, Economic Research Service, November 2, 2009.

<sup>17</sup> Mark Perry, “U.S. Share of World GDP Remains Remarkably Constant,” November 20, 2009, <http://seekingalpha.com/article/174447-u-s-share-of-world-gdp-remains-remarkably-constant>.

<sup>18</sup> Lao động trong khu vực sản xuất của Hoa Kỳ giảm từ 16,2% trong tổng lao động ngoài nông nghiệp vào tháng Năm 1990 xuống 8,9% vào tháng Tư 2010. Xem HIS Global Insight, <http://www.hsglobalinsight.com>.

<sup>19</sup> Michael McKee, “Death of Manufacturing Exaggerated as Trade Deferred (Update 2),” Bloomberg, November 2, 2009.

<sup>20</sup> “International Trade Statistics 2009,” World Trade Organization, [http://www.wto.org/english/res\\_e/statis\\_e/its2009\\_e/its09\\_toc\\_e.htm](http://www.wto.org/english/res_e/statis_e/its2009_e/its09_toc_e.htm).

khu vực sản xuất của Hoa Kỳ đã tăng trưởng dẫn đầu trong chín tháng đến tháng Tư năm 2010, và tháng Ba năm 2010 chứng kiến mức đặt hàng xuất khẩu hàng sản xuất cao nhất trong hơn hai mươi năm<sup>21</sup>. Theo những trích dẫn khoa học, tỉ trọng của Hoa Kỳ so với toàn thể thế giới vẫn rất cao – trượt từ 34,2% vào năm 1995 xuống còn 27,7% vào năm 2007<sup>22</sup>.

Tuy nhiên, nhận thức của người dân Hoa Kỳ về vị trí tương quan của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc là thái độ bi quan thái quá, thậm chí còn thừa nhận rằng có một vài sự tụt hậu. Minh chứng sinh động nhất là cuộc điều tra dư luận Gallup theo chuỗi thời gian yêu cầu người dân Hoa Kỳ đưa ra đánh giá quốc gia nào đang nắm “quyền lực kinh tế dẫn đầu thế giới hiện nay” và quyền lực nào được họ kỳ vọng trong hai mươi năm sau<sup>23</sup>. Dữ liệu của Gallup được minh họa trong Hình 1 và Hình 2 cho thấy một vài điều, một trong số đó là khi người dân Hoa Kỳ càng cảm thấy bất an do khủng hoảng kinh tế, họ càng có xu hướng xem Trung Quốc như một người khổng lồ. Một kết luận quan trọng khác là ở một mức nào đó người dân Hoa Kỳ vẫn giữ nguyên sự tự tin rằng trong tương lai Hoa Kỳ sẽ lấy lại sự vượt trội về kinh tế, có thể thấy được điều này qua sự phục hồi niềm tin cách đây không lâu vào đầu năm 2009 (biểu diễn trong Hình 2).

Từ phân tích đã đề cập ở trên, bài viết này kết luận rằng lời nói hoa mỹ về sự suy giảm của Hoa Kỳ là quá cường điệu, mặc dù thách thức cốt lõi đối với Hoa Kỳ sẽ là tiếp tục đi trước Trung Quốc (và các quốc gia khác) trong chuỗi giá trị gia tăng. Nếu sự dẫn đầu của Hoa Kỳ trong cuộc đua không có hồi kết trên nấc thang về giá trị gia tăng thu hẹp, ưu thế của Hoa Kỳ về quân sự, kinh tế, và tri thức sẽ suy giảm qua thời gian. Báo cáo của Hội đồng Tình báo Quốc gia vào tháng Mười Một năm 2008 với tựa đề *Những xu hướng Toàn cầu 2025* (Global Trends 2005) đã khẳng định đúng đắn rằng “Hoa Kỳ sẽ vẫn duy trì là quốc gia độc tôn quyền lực nhất nhưng sẽ ít khả năng chi phối hơn”<sup>24</sup>. Thứ hai, một sự khuếch trương đáng lo ngại rằng các đồng minh truyền thống của Hoa Kỳ đang phần nào đứng trên bờ vực suy giảm kinh tế. Sẽ thật có ích nếu Nhật Bản và châu Âu thực hiện những chính sách chặn đứng những mất mát trong tỉ trọng GDP toàn cầu theo chiều thẳng đứng và nếu châu Âu trở

---

<sup>21</sup> “April 2010 Manufacturing ISM Report on Business,” Institute for Supply Management, May 3, 2010, <http://www.ism.ws/ismreport/mfgrob.cfm>; and Laurent Belsie, “US Manufacturing Export Orders Hit 20-Year High,” *Christian Science Monitor*, April 1, 2010, <http://www.csmonitor.com/Money/new-economy/2010/0401/US-manufacturing-export-orders-hit-20-year-high>.

<sup>22</sup> “Science and Engineering Indicators 2010,” National Science Foundation, January 2010. Cũng trong giai đoạn này, tỉ trọng của Trung Quốc so với thế giới tăng từ 1,6% năm 1995 lên 7,5% năm 2007.

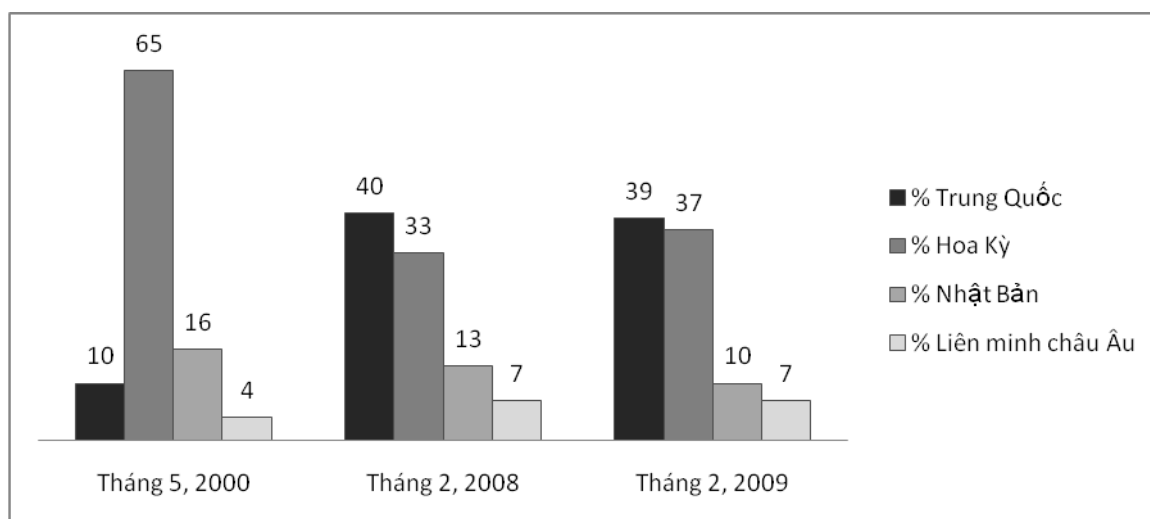
<sup>23</sup> Lydia Saad, “U.S. Surpasses China in Forecast for Economic Powerhouse,” Gallup Poll, February 16, 2009, <http://www.gallup.com/poll/114658/Surpasses-China-Forecast-Economic-Powerhouse.aspx>.

<sup>24</sup> *Global Trends 2025: A Transformed World* (Washington, D.C.: National Intelligence Council, 2008), iv.

thành một liên minh thống nhất và kết dính hơn. Trong bối cảnh những đối tác của Hoa Kỳ đang trở nên tương đối yếu hơn, điều này thực sự có ý nghĩa. Trung tâm Kinh tế học và Kinh doanh (The Centre for Economics and Business) đã báo cáo vào giữa năm 2009 rằng Hoa Kỳ, Canada, và châu Âu chiếm khoảng 49,4% nền kinh tế thế giới vào năm 2009, giảm từ khoảng 60%-64% trong giai đoạn từ năm 1995 đến năm 2004<sup>25</sup>. Những vấn đề gần đây của khu vực đồng euro trong việc đối phó với các quốc gia bất ổn về kinh tế tại phía Nam chính là điển hình cho những vấn đề lớn hơn thế.

### Hình 1: Quan điểm của người dân Hoa Kỳ về quyền lực kinh tế Trung Quốc hiện nay

Câu hỏi điều tra: Bạn nghĩ quốc gia nào sau đây là quyền lực kinh tế dẫn đầu thế giới hiện nay – Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ?



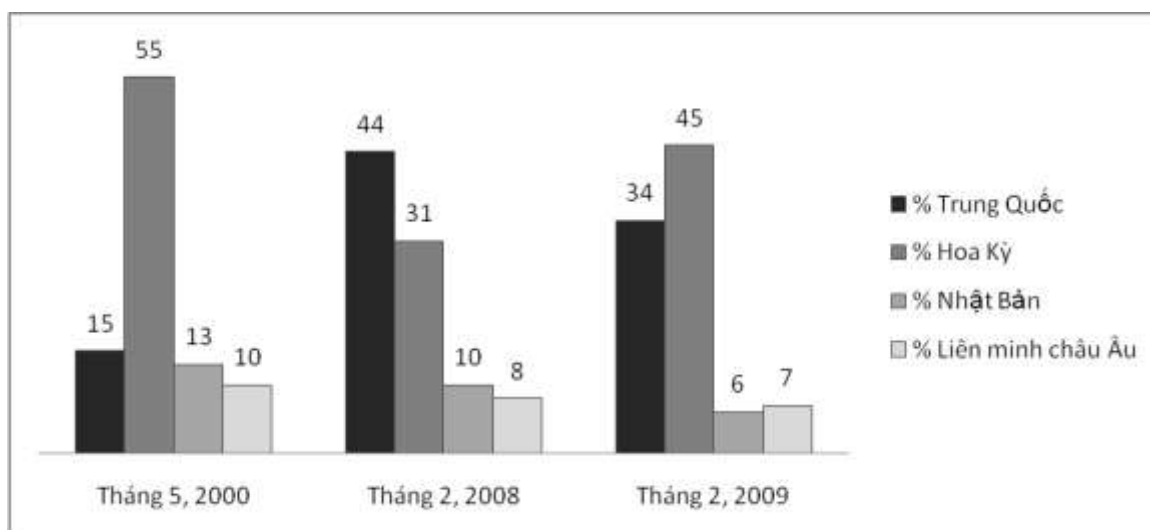
Nguồn: Lydia Saad, “U.S. Surpasses China in Forecast for Economic Powerhouse”, Gallup Poll, February 16, 2009, <http://www.gallup.com/poll/114658/Surpasses-China-Forecast-Economic-Powerhouse.aspx>.

Lưu ý: Không quốc gia nào khác được quá 2% số người tham gia điều tra gọi tên trong tất cả các thời điểm.

### Hình 2: Quan điểm của người dân Hoa Kỳ về Quyền lực kinh tế Trung Quốc trong tương lai

Câu hỏi điều tra: Nhìn vào 20 năm tới, bạn kỳ vọng quốc gia nào sau đây sẽ là quyền lực kinh tế dẫn đầu – Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ?

<sup>25</sup> Mark Deen, “The West’s Share of Global GDP Set to Fall,” Bloomberg, June 3, 2009, <http://www.financialexpress.com/news/The-Wests-share-of-global-GDP-set-to-fall/470116/>.



Nguồn: Saad, “U.S. Surpasses China in Forecast for Economic Powerhouse”.

Lưu ý: Không quốc gia nào khác được quá 4% số người tham gia điều tra gọi tên trong tất cả các thời điểm.

Quay trở lại với những đánh giá về sức mạnh của Trung Quốc, các dữ liệu thăm dò ở trên cho thấy một cách rõ ràng rằng người dân Hoa Kỳ ấn tượng với sự phát triển hiện tại và kỳ vọng trong tương lai của Trung Quốc. Tuy nhiên, những kỳ vọng lạc quan về hiện tại và tương lai không bị giảm bớt bởi nhận thức thực tế về những vấn đề khiến cho dự báo đều đặn về xu hướng hiện tại của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trở nên thiếu thận trọng. Trung Quốc nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng trưởng với tốc độ nhanh trong ít nhất hai thập kỷ nữa, và chỉ thực tế này thôi cũng sẽ thay đổi thế giới và những mối quan hệ quyền lực của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa theo nhiều cách. Tuy nhiên, Trung Quốc còn một chặng đường rất dài phía trước và sẽ đối diện với những bất ổn trên chặng đường này. Một trong những rào cản lớn nhất là về nhân khẩu học: dân cư quốc gia này đang già đi nhanh chóng và đến năm 2040 sẽ già hơn đáng kể so với dân cư Hoa Kỳ<sup>26</sup>. Vì vậy cuộc đua thực tế tại Trung Quốc không phải là đối với Hoa Kỳ, mà là với chính người dân Trung Quốc, những người có thể già đi trước khi họ có thể được chăm sóc. Hơn nữa, sự khan hiếm nước và các nguồn lực khác đang đặt ra những rào cản rất lớn cho Trung Quốc, đặc biệt là vùng phía bắc quốc gia này, nơi chiếm đến 42% dân cư trong khi lượng nước sở hữu chỉ là 8%<sup>27</sup>. Cuối cùng, không có gì chắc chắn rằng

<sup>26</sup> Richard Jackson et al., “China’s Long March to Retirement Reform: The Graying of the Middle Kingdom Revisited,” Center for Strategic and International Studies, 2009, 10.

<sup>27</sup> Steven Mufson, “As Economy Booms, China Faces Major Water Shortage,” *Washington Post*, March 16, 2010.

Trung Quốc sẽ có thể duy trì sự ổn định chính trị khi các thành phố của quốc gia này phát triển, tầng lớp trung lưu gia tăng, và khoảng cách kinh tế nới rộng.

Niềm tin của bản thân tôi đó là các nhà lãnh đạo Trung Quốc sẽ có thể chế ngự được những thách thức này trong phạm vi có thể thông cảm được, nhưng mong muốn của họ nhằm giảm thiểu tối đa những khó khăn bên ngoài đứng trước những thách thức lớn lao trong nước sẽ vẫn quan trọng hơn hết. Bởi nền kinh tế Trung Quốc trở nên lớn hơn và phức tạp hơn, dân cư Trung Quốc già đi nhanh chóng, và bởi những lợi ích kinh tế cận biên trở nên khó đạt được hơn khi Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa di chuyển dọc đường sản xuất tiềm năng, tăng trưởng của Trung Quốc gần như chắc chắn sẽ chậm lại, dầu vẫn tiến về phía trước một cách mạnh mẽ trong ít nhất hai thập kỷ nữa, trừ phi có một biến cố kinh tế bất ngờ.

Nói ngắn gọn, một trong những nguyên nhân của sự nghi ngờ chiến lược chung trong mối quan hệ song phương chính là việc người dân Hoa Kỳ được báo hiệu không đúng lúc về điểm yếu của Hoa Kỳ trước những sự thổi phồng về sức mạnh của Trung Quốc<sup>28</sup>.

## **Những mong muốn từ phía Trung Quốc nhằm “thay đổi cuộc chơi”**

Những chuyến thăm gần đây của tôi tới Trung Quốc và các cuộc đối thoại với giới quan chức, trí thức và chuyên gia Trung Quốc đã cảnh báo tôi về một đặc điểm ngày càng nổi bật về quan điểm đương thời tại Trung Quốc, mặc dù phải thừa nhận rằng luôn luôn không rõ ràng khi “quan điểm dư luận” đang được sử dụng như một sự sắp đặt mà qua đó giới quan chức Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ủng hộ vị thế thương lượng của họ trong những cuộc nói chuyện với người nước ngoài. Bỏ ngoài những thủ đoạn đàm phán, có một ý thức về quyền lực đang gia tăng từ phía cả giới lãnh đạo lẫn người dân Trung Quốc, một cảm giác rằng kỷ lục tăng trưởng trong hơn 30 năm của Trung Quốc cũng như sự khắc phục vượt trội của quốc gia này sau cả cuộc khủng hoảng tài chính châu Á lẫn cuộc “đại suy thoái”<sup>29</sup> gần đây trao quyền cho Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có một tiếng nói lớn hơn trong những vấn đề toàn cầu. Có một cảm giác rằng những tổn thương đối với niềm tự hào quốc gia trước đây (ví dụ như Đài Loan và Tây Tạng) không còn cần phải chịu đựng trong sự mặc định và rằng khả năng suy giảm dễ thấy của các quốc gia khác một cách khá tự nhiên đồng nghĩa với việc các quốc gia có ảnh hưởng trong quá khứ nên coi trọng “quyền lợi cốt lõi của Trung Quốc”. Nhiều người dân Trung Quốc mệt mỏi với việc bị lên lớp, khi họ nhìn nhận thành công gần

<sup>28</sup> Không có thông tin nào ở đây nên được hiểu theo nghĩa rằng tăng trưởng kinh tế và tri thức của Trung Quốc (và của Ấn Độ) không phải là một thách thức về kinh tế và tri thức mà Hoa Kỳ cần phải thừa nhận.

<sup>29</sup> David M. Lampton, “The United States and China in the Age of Obama: Looking Each Other Straight in the Eyes,” *Journal of Contemporary China* 18, no.62 (November 2009): 706–12.

đây của Trung Quốc như một sự vượt trội và tiềm năng của quốc gia trong tương lai như một thứ rất phi thường. Như một người Trung Quốc đã phát biểu khi thảo luận về hàng loạt những vấn đề giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc bao gồm Google, tỉ giá của đồng nhân dân tệ, việc Hoa Kỳ bán vũ khí cho Đài Loan, và cuộc viếng thăm của Đạt Lai Lạt Ma tới Nhà Trắng (tất cả những sự bào mòn mối quan hệ trong quý đầu tiên của năm 2010): “Trung Quốc đang tự tin hơn trước kia – các quốc gia phát triển đang suy giảm và các quốc gia đang phát triển đang tăng trưởng – cuộc khủng hoảng tài chính đã làm phương Tây suy yếu... Đây là một quan điểm được chia sẻ rộng rãi [tại Trung Quốc]”<sup>30</sup>.

Ý thức về sự chuyển giao quyền lực này có nguồn gốc từ những cảm nhận về thành công trong quá khứ và sự suy giảm của phương Tây được tổng hợp bởi sự thay đổi thể hệ đang diễn ra. Như một nhà lãnh đạo học giả tại một vị trí cấp cao Trung Quốc đã đề cập khi nói với một nhóm người dân Hoa Kỳ vào giữa năm 2010, có một “quan điểm khác biệt phổ biến đặc biệt là trong giới trẻ. Hai mươi lăm năm trước đó là một thế giới hoàn toàn khác biệt”. Lãnh đạo này tiếp tục nói rằng các sinh viên một thế hệ trước đã kinh ngạc trước những tòa nhà chọc trời tại New York, thì giờ đây nhìn thấy những đường phố bản thủ và những sân bay được điều hành tồi tệ tại Big Apple. So sánh với những gì họ thấy tại Bắc Kinh, Thượng Hải, và nhiều thành phố khác ở Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, giới trẻ Trung Quốc không còn ấn tượng Hoa Kỳ như trước kia. Hơn thế nữa, thế hệ trẻ hơn chỉ biết đến Trung Quốc trong thời kỳ phát triển, một kỷ nguyên của hòa bình cả trong lẫn ngoài Trung Quốc. Sự khó khăn khiến những người lớn tuổi phải thận trọng đã không còn bắt giới trẻ hiện nay phải trải qua, và ai đó có thể chỉ suy xét về ý nghĩa của một quốc gia toàn những đứa trẻ đối với những ngưỡng phổ biến của sự nhẫn nại và thỏa hiệp. Về điểm cộng, giới trẻ ngày nay tại Trung Quốc thể hiện sự đa dạng về văn hóa tư tưởng và hiểu biết hơn. Tất cả những điều này góp phần dẫn đến một ý thức nể trọng thấp hơn, một hiện tượng được gia cố thêm bởi ý thức rằng Hoa Kỳ cần Trung Quốc về phương diện cơ bản nhất – tài chính – biết rằng Trung Quốc là chủ nợ liên chính phủ lớn nhất của Hoa Kỳ. Nói ngắn gọn, như điều mà người dân Trung Quốc thấy, Hoa Kỳ đang không hoạt động tốt và, về một mặt nào đó, phụ thuộc vào Trung Quốc. Chính vì thế họ thiếu kiên nhẫn hơn. Như một thành viên cấp cao trong hệ thống đối ngoại chính sách với nước ngoài khi được phóng vấn đã nói với tôi:

Nói thẳng, những yếu tố phiền phức kiểu này luôn tồn tại – sự thay đổi là từ phía Trung Quốc, với sự khoan dung mà mọi người đều biết đối với sự can thiệp “đã được giảm đi nhiều” của Hoa Kỳ. Nếu điều này xảy ra mười năm trước [cuộc gặp gỡ của Đạt Lai Lạt Ma tại Washington và vụ Hoa Kỳ bán vũ khí

---

<sup>30</sup> Các ghi chép của tác giả về cuộc hội thoại, 26 Tháng Tư, 2010, 1.

cho Đài Loan], chính phủ Trung Quốc có thể đàm phán với người dân, nhưng giờ đây thì không thể. Trung Quốc ngày càng không thể chấp nhận những hành động sai trái từ Hoa Kỳ; sự phát triển tất yếu của xã hội dân sự và qua sự trỗi dậy của Trung Quốc... [ai đó] có thể thấy các học giả có sức ảnh hưởng nói rằng Hoa Kỳ nên trả giá và Trung Quốc đã mất dần sự kiên nhẫn... Người dân Trung Quốc đang đặt ra những áp lực và quân đội Trung Quốc đang gia tăng tiếng nói của mình<sup>31</sup>.

Như câu cuối cùng trong đoạn trích dẫn trên đã đề cập, những quan điểm kiểu này cũng được cảm nhận mạnh mẽ trong hàng loạt bộ phận chính phủ, không chỉ là trong PLA. Khi nói về tranh luận tại Trung Quốc về những chính sách hướng đến Hoa Kỳ, một trong những người cung cấp thông tin cho tôi tại Trung Quốc gần đây đã diễn tả theo hướng như thế này, chuyển tiếp sau những quan điểm của một tướng lĩnh nổi tiếng Trung Quốc:

Tướng X đã nói, “Thay đổi cuộc chơi” – không theo phương thức cũ nữa – các bạn [Hoa Kỳ] có thể bán vũ khí cho Đài Loan. Nếu bạn [Đài Loan] mua một tên lửa ABM, chúng tôi sẽ triển khai [nhiều tên lửa hơn] – cùng một số lượng. Đối với Hoa Kỳ, ví dụ chúng tôi sẽ bán vũ khí mà các bạn không thích và ủng hộ các công ty Hoa Kỳ đã bán [vũ khí cho Đài Loan]. Con đường của tôi là thay đổi luật chơi. Đàm phán lại một thỏa thuận mới<sup>32</sup>.

Trong một bài báo gợi nhớ về Sikorsky, Lockheed Martin, Raytheon và Boeing (đều đã tham gia vào những vụ bán vũ khí sang Đài Loan được phê chuẩn vào đầu năm 2010) về tầm quan trọng của thị trường Trung Quốc, tờ *China Daily* đã trích lời một người dân Bắc Kinh như sau: “Chúng ta nên làm cho Hoa Kỳ trả giá nhiều hơn cho những hành động bán vũ khí này. Họ đáng nhận lấy những hình phạt thích đáng như thế này”<sup>33</sup>.

## **Những động thái thách thức và phản ứng lại**

Bên ngoài thái độ cương quyết xuất phát từ thành công trong chính sách hơn ba thập kỷ qua và nhận diện được sự suy yếu của các đối thủ cạnh tranh, cũng có một động thái thách thức và phản ứng lại đã gia tăng đều đặn trong một thập kỷ vừa qua thúc đẩy những nghi ngờ chiến lược chung.

Bắc Kinh đã đưa ra ba quyết định trong giai đoạn từ năm 1985 đến năm 2000 đều thúc đẩy những quan ngại từ Hoa Kỳ, chưa nói đến những mối lo đối với các quốc gia láng

<sup>31</sup> Phòng vấn của tác giả, 13 Tháng Một, 2010, 3.

<sup>32</sup> Sách đã dẫn, 2.

<sup>33</sup> Wu Jiao, “Sanctions Target US Firms,” *China Daily*, February 1, 2010, [http://www.chinadaily.com.cn/bizchina/2010-02/01/content\\_9405516.htm](http://www.chinadaily.com.cn/bizchina/2010-02/01/content_9405516.htm). Đầu tháng Tư 2010, tổng thư ký của Hiệp hội Giải trừ vũ khí và Kiểm soát Vũ trang Trung Quốc, Li Hong, được trích lại lời nói như sau: “Lần này chúng ta chỉ đưa ra một cảnh báo... Nếu các công ty này không thực sự bị liệt vào danh sách đen, đó là bởi Trung Quốc đã nhân nhượng vì lợi ích các mối ràng buộc thiện chí và mối quan hệ thương mại với Hoa Kỳ”. Anthony Kuhn, “Nuclear Security Summit May Bring U.S., China Closer,” *NPR*, April 9, 2010, <http://www.npr.org/templates/story/story.php?storyId=125753857>.

giềng. Thứ nhất, những quyết định của Ủy ban Quân Sự Trung ương vào năm 1985 đã đánh dấu một sự thay đổi sâu sắc trong tư duy quân sự của Trung Quốc. GDP của Trung Quốc đang chuyển hướng tới các khu vực đô thị ven biển Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, giống như những đặc khu kinh tế, các thành phố mở, những chính sách theo định hướng thị trường về giá cả và tính lưu động của lao động, cùng với sự tăng trưởng FDI đều góp phần vào đó. Mao Trạch Đông có thể sẵn sàng đối đầu với những cuộc chiến trong lòng Trung Quốc, như kẻ thù sâu hơn và nghiêm túc kẻ xâm lược trong cuộc chiến kéo dài, nhưng những người kế nhiệm ông không sẵn sàng chiến đấu tại những thành phố đang đổi mới của Trung Quốc. Kết quả của điều này cùng nhiều suy xét khác, ví dụ như “cuộc cách mạng trong hoạt động quân sự”<sup>34</sup>, Bắc Kinh muốn đẩy những xung đột trong tương lai ra ngoài biên giới Trung Quốc, đồng nghĩa với tranh chấp trên không, ngoài biển và trong không gian, cũng như bảo vệ vũ khí ngăn chặn hạt nhân đang ngày càng nhỏ bé và dễ bị công kích khỏi những cuộc tấn công cả hạt nhân và thông thường. Vùng trời, vùng biển và không gian vũ trụ là những khu vực mà Hoa Kỳ đã thống trị trong 50 năm và kể cả trong điều kiện tốt nhất, sự thay đổi quan điểm này của Trung Quốc đều sẽ gây ra một số va chạm với quyền lực thống trị trước kia. Dĩ nhiên, khi sự phụ thuộc vào hoạt động liên lạc đường biển của Trung Quốc gia tăng, lý do hướng đến tiềm lực hàng hải và hàng không sẽ nảy sinh. Nếu các nhà hoạch định chính sách và công dân Hoa Kỳ đối diện với tình thế này, họ cũng sẽ đưa ra những quyết định tương tự.

Mối liên hệ thứ hai trong những quyết định chiến lược của Trung Quốc liên quan tới Đài Loan, mà giai đoạn 1995-2000 là khoảng thời gian vô cùng quan trọng. Bắt đầu từ đầu những năm 1990, khi Tổng thống Đài Loan Lee Teng-Hui tích cực hơn trong việc tìm kiếm “chỗ đứng trên trường quốc tế”, và vào năm 1996 Đài Loan đã tiến hành cuộc bầu cử tổng thống trực tiếp trên phạm vi đảo quốc lần đầu tiên. Sức mạnh của một đảng mà về mặt pháp lý hiện nay là Đảng Dân Tiến đã tăng lên, mang đến nhiều tiếng nói hơn cho quan điểm độc lập và dẫn đến cuộc bầu cử năm 2000 mà Chen Shui-bian trúng cử tổng thống. Trong bối cảnh này, sự đối đầu trực tiếp giữa Washington và Bắc Kinh đến từ “các cuộc thử nghiệm” tên lửa của Trung Quốc gần Đài Loan trong hai năm 1995 và 1996 đã minh họa một cách thuyết phục cho Chủ tịch Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Giang Trạch Dân rằng có hai điều cần thiết – “việc ngăn chặn” Đài Loan tuyên bố độc lập và một lực lượng quân sự mạnh hơn (trên không, trên biển và cả những vũ đài tên lửa) nhằm đẩy mạnh những rủi ro và mất mát

---

<sup>34</sup> Cuộc cách mạng trong hoạt động quân sự (RMA) đề cập tới sự kết hợp các công nghệ phân đoán, tính toán, quang học, hàng hải, và liên lạc cho phép sự tiếp tế quân nhu được chuyển giao chính xác hơn rất nhiều và các lực lượng quân sự tăng khả năng sát thương cho mỗi binh lính hay mỗi trận chiến. RMA cũng khẳng định năng lực thu thập thông tin cao hơn.



của Hoa Kỳ trong việc can thiệp trong tương lai. Với những quả tên lửa của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tại các vùng lân cận eo biển (con số thực sự vượt quá 1000 vào năm 2010), lực lượng quân sự của Trung Quốc đã trở thành một mối lo ngại đang gia tăng đối với cả quần chúng Đài Loan lẫn Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ, được dẫn chứng liên tục trong các báo cáo thường niên của Bộ Quốc phòng cho Quốc hội Hoa Kỳ với nhan đề “Quyền lực Quân sự của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”.

Cuối cùng, có một vấn đề về nguồn ngân sách. Khi Đặng Tiểu Bình nắm quyền lực vào năm 1978, trong một thập kỷ sau đó ông duy trì chi tiêu cho quân sự ở mức thấp, để dành nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế và hướng đến giảm quy mô của lực lượng bộ binh, khôi phục đào tạo chuyên nghiệp trong các quân chủng, và đưa nhiều sĩ quan trẻ và có nhiều năng lực hơn vào trong quân đội. Tuy nhiên, đến giai đoạn 1989-90, nền kinh tế Trung Quốc đã được định hình tốt hơn, sự hình thành PLA giờ đây đã có thể đương đầu với quá trình hiện đại hóa toàn hệ thống, và quân đội đã chứng minh mình là hòn đá tảng của chế độ sống sót trong bối cảnh các cuộc biểu tình tại Quảng trường Thiên An Môn, sự sụp đổ của Liên bang Xô Viết, và sự tan rã của hiệp ước Warsaw trong giai đoạn 1989-1991. Hệ quả là, trong giai đoạn từ năm 1990 đến năm 2010, ngân sách quốc phòng của Trung Quốc đã gia tăng hai con số cứ sau mỗi năm ngoại trừ hai lần tăng ít hơn. Tại một vài thời điểm đầu thập niên 1990 một thỏa thuận ít nhất là mang tính ngầm thuận đã được thực hiện giữa các lãnh đạo nhân dân và giới chỉ huy quân sự cấp cao của Trung Quốc – cụ thể là tổng ngân sách của PLA sẽ chiếm một tỉ trọng gần như không đổi trong GDP<sup>35</sup>. Kể từ đó, GDP Trung Quốc hầu như đều tăng trưởng ít nhất hai con số, có nghĩa là kể cả nếu không chiếm một tỉ trọng quan trọng hơn trong nền kinh tế Trung Quốc, lực lượng vũ trang Trung Quốc vẫn cần sử dụng lượng nguồn lực đang gia tăng rất nhanh chóng. Điều này, kết hợp với kết cấu công nghiệp ngày một phát triển, đồng nghĩa với việc quân đội Trung Quốc đang có những bước tiến mà một số nhà quan sát phương Tây đã dự đoán cách đây hai thập kỷ.

Nói ngắn gọn, cấu trúc và vị trí không gian địa lý đang thay đổi của GDP Trung Quốc, nhu cầu nhằm ngăn chặn sự độc lập của Đài Loan, sự can thiệp đáng lo ngại của Hoa Kỳ vào Eo biển Đài Loan, bất an về vũ khí ngăn chặn hạt nhân dễ bị công kích, những quan ngại gia tăng về an ninh đối với các dòng chảy tài nguyên chiến lược đến Trung Quốc, mong muốn gia tăng để có thể bảo vệ và sơ tán nhân sự Trung Quốc đã hiện diện ngày càng nhiều

---

<sup>35</sup> SIPRI Military Expenditure Database, Stockholm International Peace Research Institute, <http://www.sipri.org/databases/milex>; và *The Military Balance 2010* (London: International Institute for Strategic Studies, 2010), <http://www.iiss.org/publications/military-balance/>.

trên toàn thế giới tại các khu vực bất ổn (ví dụ như Ethiopia, Sudan, Trung Á, và Pakistan), và sự sẵn có của nhiều tài nguyên hơn tất cả đã kết hợp tạo ra một PLA đang gia tăng tiềm lực. Điều này đặt vị cho điều mà bài viết này sẽ chuyển hướng đến dưới đây – chu kỳ hành động-phản ứng.

Không bị trói buộc vào lối suy nghĩ về Chiến tranh Lạnh, một nhà phân tích sẽ là kẻ lang thang nếu anh ta/cô ta không xét đến những bài học trong kỷ nguyên đó, dẫu trong một bối cảnh rất khác biệt về toàn cầu hóa và những đe dọa xuyên quốc gia. Một bài học của kỷ nguyên đó được nêu rõ bởi Robert McNamara, người sau này là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, khi ông nói: “Điều cần thiết cần hiểu ở đây là Liên bang Xô Viết và Hoa Kỳ có ảnh hưởng lẫn nhau đến những hoạch định chiến lược”<sup>36</sup>. Điều này vẫn đúng vào thời điểm hiện nay trong mối quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc. Những tổ chức an ninh của Bắc Kinh và Washington đều nhìn nhận hành động của bên còn lại như những nguyên nhân căn bản quan trọng cho những quyết định hoạch định về cấu trúc quân đội ngẫu nhiên và ép buộc, đồng thời cho những kịch bản huấn luyện. Mỗi bên đều xem bên kia là mục tiêu tình báo chính, và do đó mỗi hành động đều được điều chỉnh sao cho phù hợp với bước đi và quyết định của bên kia cũng như điều mà họ có thể cảnh báo cho tương lai. Đối với các cơ quan quân sự và an ninh tại từng quốc gia, bên kia là động lực về quyền lực tối quan trọng đối với nhiều loại vũ khí và hệ thống mà mỗi bên mong muốn giành được, đặc biệt là cho các lực lượng trên vũ trụ, hải quân, và không quân và đang gia tăng cho lĩnh vực không gian ảo. Có thể đoán được rằng, bên nhìn thấy tiến trình phát triển của phân tích về trường hợp xấu nhất và sự phát triển của một chu kỳ hành động-phản ứng mà ở đó những phản ứng “thận trọng” đối với việc giành được tiềm lực từ một phía sẽ sản sinh một phản ứng đáp trả thận trọng. Chu kỳ này dẫn đến một vòng xoáy thách thức và phản ứng theo chiều hướng đi lên không hạn chế, tạo ra tình trạng thiếu an toàn nhiều hơn với phí tổn càng lớn hơn cho cả hai quốc gia và các quốc gia ngoài cuộc. Quá trình này có thể không có lợi cho an ninh toàn quốc gia hay toàn cầu, nhưng nó có thể thỏa mãn một số lợi ích hành chính và kinh tế tại cả hai quốc gia. Như một quan chức Trung Quốc hàm tướng đã nói theo một cách khá khôi hài vào năm 2010 khi phản ứng lại với những vụ bán vũ khí của Hoa Kỳ được công bố là cho Đài Loan rằng “là một người lính, tôi ủng hộ việc Hoa Kỳ bán vũ khí [cho Đài Loan] và nhờ thế chúng tôi [PLA] có thể đòi hỏi chính phủ nhiều ngân sách hơn”<sup>37</sup>.

<sup>36</sup> Trích trong Chalmers M. Roberts, *The Nuclear Years: The Arms Race and Arms Control, 1945–1970* (New York: Praeger Publishers, 1970), 79.

<sup>37</sup> Các ghi chép của tác giả về cuộc hội thoại, 23-24 tháng Một, 2010, 6.

Hiện nay, chúng tôi vẫn còn rất xa mới tới một vòng xoáy theo chiều hướng đi lên với quy mô như Chiến tranh Lạnh, và Tổng kết Tình hình Hạt nhân (2010) gần đây của chính quyền Obama, loại bỏ những ngôn ngữ kích động từng được sử dụng trong báo cáo của chính quyền Bush kể từ năm 2002, đã nhận được sự ca ngợi<sup>38</sup>, như ngôn ngữ trong báo cáo Tổng kết Quốc phòng Bốn năm vào tháng Hai năm 2010, khẳng định về tiềm năng hợp tác đối với quyền lực đang lớn mạnh của Trung Quốc cũng như đối với những bất ổn của quốc gia này. Tuy nhiên, những cố gắng nên được cả hai thủ đô thực hiện nhằm đóng đinh tiềm lực leo thang này. Như Tổng kết Tình hình Hạt nhân năm 2010 đã chỉ ra “biết rằng Nga và Trung Quốc hiện đang hiện đại hóa tiềm lực hạt nhân của mình – và rằng cả hai đang cáo buộc hàng phòng thủ tên lửa cùng các chương trình tên lửa vũ trụ thông thường của Hoa Kỳ đang gây bất ổn – việc duy trì sự ổn định chiến lược với cả hai quốc gia sẽ là một thách thức quan trọng trong những năm kế tiếp”<sup>39</sup>. Một phần trong việc duy trì sự ổn định chiến lược và tránh một vòng xoáy theo chiều hướng đi lên bao gồm việc thảo luận điều mà cả hai quốc gia này đang làm đối với vũ trụ, không gian ảo, công nghệ ABM, và những vũ khí thông thường với sự chỉ dẫn tính chính xác có thể gây nghi hoặc về độ tin cậy trong khả năng ngăn chặn, phán đoán, liên lạc và các hệ thống khác. Những thảo luận kiểu này trở nên áp lực hơn khi Hoa Kỳ giảm thiểu kho vũ khí chiến lược của mình đồng thời Trung Quốc hiện đại hóa và mở rộng số lượng đầu nỏ cùng những tiềm lực trong kho vũ khí truyền thống và chiến lược hiện có của quốc gia này.

Tập hợp những quan ngại phổ biến kiểu này có thể được xác thực thông qua xem xét ba ví dụ sau: cuộc thử nghiệm chống vệ tinh (ASAT) của Trung Quốc vào năm 2007 và sự kiện có thể được hiểu là một cuộc thử nghiệm của Hoa Kỳ nhằm phản ứng lại vào năm ngay sau đó; cuộc thử nghiệm ABM thành công của Trung Quốc vào năm 2010<sup>40</sup>; và cuộc chiến không gian ảo ra vẻ bí mật trong một vài năm gần đây, thể hiện rõ ràng nhất qua sự ra đời của

---

<sup>38</sup> Văn bản của chính quyền Bush đã viết: “Khi đặt ra các yêu cầu đối với khả năng tấn công bằng nguyên tử, những khác biệt có thể được tạo ra trong số các sự kiện bất ngờ mà Hoa Kỳ cần phải chuẩn bị. Các sự kiện bất ngờ có thể được phân loại thành tức thì, tiềm tàng hoặc không mong đợi... Các sự kiện bất ngờ xảy ra tức thì kéo theo những hiểm họa dễ nhận diện hiện nay... Những ví dụ trong thời điểm hiện tại về các sự kiện bất ngờ xảy ra tức thì bao gồm cuộc tấn công của Iraq vào Israel hay các quốc gia láng giềng Iraq, cuộc tấn công của Bắc Triều Tiên vào Nam Triều Tiên, hay cuộc đối đầu quân sự về vị thế của Đài Loan”. “Nuclear Posture Review [Excerpts],” Global Security.org, January 8, 2002, <http://www.globalsecurity.org/wmd/library/policy/dod/npr.htm>.

<sup>39</sup> “Nuclear Posture Review Report,” U.S. Department of Defense, April 2010, 28, <http://www.defense.gov/npr/docs/2010%20Nuclear%20Posture%20Review%20Report.pdf>.

<sup>40</sup> “China’s Successful Anti-Missile Test,” International Institute for Strategic Studies, IISS Strategic Comments, February 2010, <http://www.iiss.org/publications/strategic-comments/past-issues/volume-16-2010/february/chinas-successful-anti-missile-test/>.

một tiêu đề về không gian ảo tại Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ<sup>41</sup> cùng những báo cáo về sự thâm nhập đáng nghi của Trung Quốc vào các hệ thống thông tin trên toàn thế giới.

Liên quan tới các cuộc thử nghiệm ASAT và ABM của Trung Quốc, giáo sư Shen Dingli tại Đại học Fudan đã rất thẳng thắn giải thích nguyên lý của Trung Quốc trong việc phát triển và thử nghiệm các hệ thống này:

Trung Quốc đã và đang giữ vững thái độ thực dụng của mình trước những vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia của mình: khi một loại công nghệ vũ khí đe dọa tới an ninh của mình xuất hiện, Trung Quốc sẽ kêu gọi cộng đồng quốc tế ngăn chặn, và nếu không thành công, sẽ tự khai thác tiềm lực của chính mình. Đây chính là lập trường khiến Trung Quốc tiếp nhận công nghệ phòng thủ tên lửa tầm xa cũng như với các vũ khí hạt nhân.

Liên quan tới vấn đề về tên lửa chống vệ tinh (ATST), Trung Quốc cũng trung thành với nguyên tắc này. Hoa Kỳ thực hiện các cuộc thử nghiệm ASAT sớm hơn bất cứ quốc gia nào và kết quả trực tiếp làm suy yếu sự an toàn đối với những phương tiện không gian của các quốc gia khác. Khả năng của ASAT đe dọa hệ thống truyền thông, chỉ huy và kiểm soát tầm xa của các quốc gia khác, và bị phản đối mạnh mẽ bởi cả Trung Quốc và Nga. Nhưng cân nhắc về sự an toàn của chính mình, Hoa Kỳ không từ bỏ tiềm lực này, do đó đã thúc đẩy Trung Quốc phát triển những hệ thống của riêng họ nhằm duy trì cân cân quyền lực trong không gian bên ngoài<sup>42</sup>.

Bước sang nửa năm 2007, vụ bắn hạ một vệ tinh thời tiết lâu năm đang trong quỹ đạo bởi lực lượng vũ trang Trung Quốc (tạo ra rất nhiều những mảnh vỡ nguy hiểm trên không) đã minh họa rõ nét rằng Hoa Kỳ và các thế lực không gian khác không còn có thể xem an ninh của các tài sản trên không trung của họ là điều hiển nhiên. Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ đã đáp trả bằng những nỗ lực tăng cường bảo vệ các tài sản trên không trung và phô bày tiềm lực đe dọa những nguồn lực của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Chuỗi các hành động và phản ứng này có vẻ đã gia tăng mạnh ít nhất là từ sau Chính sách Không gian Vũ trụ Quốc gia của Hoa Kỳ dưới thời chính quyền Bush năm 2006:

Hoa Kỳ sẽ: bảo vệ các quyền, tiềm lực và sự tự do hành động trong không gian vũ trụ của mình; khuyến khích hoặc ngăn chặn các quốc gia khác nhằm gây cản trở các quyền này hoặc có ý định phát triển tiềm lực để thực hiện những điều đó; có những động thái cần thiết như thế này nhằm bảo vệ tiềm lực không gian của Hoa Kỳ; phản ứng với những can thiệp; và từ chối các đối thủ, nếu cần thiết, trong

---

<sup>41</sup> Donna Miles, "Gates Establishes New Cyber Subcommand," U.S. Department of Defense, June 24, 2009, <http://www.defense.gov/news/newsarticle.aspx?id=54890>.

<sup>42</sup> Shen Dingli, "Taking a Logical View of China's ABM Test," China.org.cn, February 5, 2010, [http://www.china.org.cn/opinion/2010-02/05/content\\_19375866.htm](http://www.china.org.cn/opinion/2010-02/05/content_19375866.htm).

việc sử dụng những tiềm lực không gian với thái độ thù địch với những quyền lợi quốc gia của Hoa Kỳ<sup>43</sup>.

Và cuối cùng, chuyển sang lĩnh vực không gian ảo, sự xâm nhập vào Phủ Thủ tướng Đức và các Bộ kinh tế, ngoại giao, và kinh tế Đức vào năm 2007, chưa kể đến các cơ quan chính phủ Hoa Kỳ và các công ty của Hoa Kỳ (gần đây nhất là Google), dường như chỉ là phần nổi của tảng băng<sup>44</sup>. Mặc dù thừa nhận sự khó khăn trong việc đưa ra được dẫn chứng thuyết phục về sự tham gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa vào các cuộc tấn công này, và trong việc phân biệt giữa phản ứng bộc phát của dư luận tại Trung Quốc cùng chính sách có chủ đích của nhà nước, ở mức độ mà những người ngoài cuộc cũng nhận thấy Trung Quốc là nhân vật chính trong sự xâm phạm đáng khinh này, nó cũng trở thành một điểm tối trong quan hệ của Trung Quốc với các quốc gia khác. Tồn tại mọi dấu hiệu cho thấy cả Hoa Kỳ và Nga đều đang phát triển những tiềm lực tấn công và phòng thủ trên chiến trường này.

## Những hàm ý chính sách

Phân tích trên đây đề xuất một vài hướng giải quyết về chính sách mà Hoa Kỳ và Trung Quốc cần phải hướng đến nếu như sự suy giảm trong những nghi ngờ chiến lược chung diễn ra.

Đầu tiên, Hoa Kỳ không hài lòng với các quốc gia khác (trong trường hợp này là Trung Quốc) khi cường quốc này không hài lòng với chính bản thân mình và thể hiện mình một cách kém cỏi. Điều tốt nhất mà Washington có thể thực hiện cho mối quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc là đưa nền kinh tế Hoa Kỳ trở lại nền tảng khỏe mạnh và xây dựng một cơ sở dài hạn cho quyền lực toàn diện đáng tin cậy của Hoa Kỳ trên các lĩnh vực kinh tế và tri thức. Điều này đồng nghĩa với việc cần đầu tư nhiều hơn cho hoạt động R&D, giáo dục và một lực lượng lao động khỏe mạnh hơn, đồng thời nó cũng đồng nghĩa với chính sách và điều kiện tài khóa bền vững đi và khỏe mạnh.

Thứ hai, sẽ rất có ích cho Hoa Kỳ theo nhiều cách nếu như Nhật Bản và châu Âu khôi phục tăng trưởng và ngăn chặn sự tụt dốc trong vị thế quyền lực của cả hai. Mức độ liên minh và hiệu quả trong các chính sách kinh tế và đối ngoại của châu Âu sẽ là điều mà Hoa Kỳ quan

---

<sup>43</sup> “U.S. National Space Policy,” GlobalSecurity.org,

[http://www.globalsecurity.org/space/library/policy/national/us-space-policy\\_060831.htm](http://www.globalsecurity.org/space/library/policy/national/us-space-policy_060831.htm).

<sup>44</sup> Roger Boyes, “China Accused of Hacking into Heart of Merkel Administration,” *Times Online*, August 27, 2007, <http://www.timesonline.co.uk/tol/news/world/europe/article2332130.ece?print=yes&randn>; và Shane Harris, “China’s Cyber-Militia: Chinese Hackers Pose a Clear and Present Danger to U.S. Government and Private-Sector Computer Networks and May Be Responsible for Two Major U.S. Power Blackouts,” *National Journal*, May 31, 2008.

tâm, mặc dù khó tránh khỏi những va chạm và rắc rối có thể xảy ra. Bước tiến trong việc củng cố quan hệ quân sự Hoa Kỳ-Nhật Bản vào tháng Năm năm 2010 đang được chào đón.

Thứ ba, thái độ tự tin của Trung Quốc đến từ những ảo tưởng không có cơ sở về sự suy giảm của Hoa Kỳ và một ý niệm phổ biến cho rằng sức mạnh toàn cầu của Trung Quốc đang được cường điệu hóa tại Hoa Kỳ. Lãnh đạo tại cả hai quốc gia cần có những hiểu biết thực tế về những điểm mạnh và hạn chế của chính quốc gia mình cũng như của các quốc gia khác. Những cuộc viếng thăm cấp lãnh đạo tới nhữn thành phố không chỉ riêng thủ đô, ví dụ như New York và Thượng Hải có thể sẽ tốt cho giới lãnh đạo của cả hai quốc gia và giới truyền thông mà họ mang theo.

Thứ tư, chính quyền Obama đã và đang đi theo một hướng đi đúng đắn thông qua việc sửa chữa một số ngôn ngữ khiêu khích trong những phát biểu của chính quyền Bush về chính sách quân sự và hạt nhân. Những bước tiến tương tự với chính sách không gian vũ trụ cũng là điều nên làm. Thật vậy, thật khó để hiểu tại sao sự hợp tác Hoa Kỳ-Liên Xô về không gian vũ trụ lại có thể thực hiện được trong giai đoạn đỉnh điểm của Chiến tranh Lạnh ở một cấp độ cao hơn so với cấp độ có thể đối với Trung Quốc hiện nay. Tuy nhiên, điểm quan trọng cần bổ sung đó là các nhà cầm quyền về vấn đề không gian vũ trụ tại Trung Quốc có những mối lo riêng trong việc hợp tác với Hoa Kỳ.

Thứ năm, mối quan hệ quân sự giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, từ nhiều thập kỷ nay đã tụt lại đằng sau các mối quan hệ còn lại. Bất cứ khi nào có một sự bất đồng song phương, những cuộc thảo luận và tương tác đầy ý nghĩa giữa hai lực lượng quân đội là hành động đầu tiên nhằm trì hoãn hoặc ngăn chặn và hành động cuối cùng nhằm khôi phục lại mối quan hệ. Trong một chừng mực đáng kể, kể cả khi những tương tác xảy ra, chúng là câu chuyện giữa những chuyên gia ngoại giao và nhân viên tình báo của cả hai bên, trái ngược với sự phân chia rộng hơn về thứ bậc và hồ sơ trong lực lượng vũ trang. Bước phát triển đáng khích lệ nhất gần đây là sự hợp tác có hạn chế tại Vịnh Aden giữa Trung Quốc và các lực lượng vũ trang khác, bao gồm cả các lực lượng của Hoa Kỳ.

Thứ sáu, Đối thoại Kinh tế và Chiến lược Hoa Kỳ-Trung Quốc (S&ED) có vai trò quan trọng, theo quan điểm đây là một phiên bản mở rộng về hành chính của Đối thoại Kinh tế Chiến lược (SED) dưới thời chính quyền Bush. Tuy nhiên, trong khi chủ đề của cuộc đối thoại đã được mở rộng và vai trò của Bộ Ngân khố và Ngoại giao Hoa Kỳ trở nên cân bằng, cơ chế này chuyển từ gặp gỡ hai lần mỗi năm (dưới hình thức SED) sang một lần mỗi năm – cho phép hai bên có thêm nhiều chủ đề để thảo luận trong khoảng thời gian ngắn hơn và

hiều bên cấp cao tham gia cạnh tranh nhằm gây sự chú ý. Cũng quan trọng như cơ chế hiện tại, khả năng đưa ra được những giải pháp cụ thể giữa các phiên họp tổng thể không thường xuyên sẽ là chìa khóa dẫn tới thành công chung của cuộc đối thoại.

Thứ bảy, Trung Quốc có rất nhiều biện pháp “ngăn chặn” khả năng độc lập của Đài Loan, cả về pháp lý (Đạo luật Chống Ly Khai năm 2005), quân sự (tên lửa và các tiềm lực khác), và, quan trọng nhất, kinh tế. Trung Quốc có thể đáp ứng việc đơn phương giảm thiểu số lượng tên lửa được sắp đặt tại các vùng lân cận Eo biển Đài Loan. Thực hiện điều này sẽ giúp cải thiện bầu không khí xuyên eo biển và giảm bớt áp lực lên giới lãnh đạo Đài Loan nhằm có được những vũ khí đắt tiền hơn từ Washington. Nếu mọi việc phát triển phát triển theo chiều hướng bớt căng thẳng hơn, Đài Bắc sẽ chỉ cần đòi hỏi ít vũ khí hơn; đó là chính sách lâu dài của Hoa Kỳ rằng việc bán vũ khí gắn liền với mức độ nguy hiểm dọc eo biển này.

Thứ tám, sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế là động lực hợp nhất hiện hữu mạnh mẽ nhất nhằm giảm thiểu những nghi ngờ chiến lược chung. Trung Quốc đang tăng cường đầu tư vào những lĩnh vực tạo ra việc làm tại Hoa Kỳ, và Hoa Kỳ cần thực hiện nhiều hơn thế tại Trung Quốc. nỗ lực đã bị hủy bỏ của Tập đoàn Dầu khí Ngoài khơi Quốc gia Trung Quốc (CNOOC) nhằm mua lại UNOCAL vào năm 2005 là thương vụ kém may mắn nhất vì nó làm chậm tiến trình đưa FDI của Trung Quốc vào Hoa Kỳ, điều sẽ tạo ra việc làm tại đây. Trải nghiệm của tôi với các thành viên trong Quốc hội Hoa Kỳ đã dẫn tôi đến một kết luận rõ ràng: giống như điều đã xảy ra với đầu tư của Nhật Bản tại Ohio, Kentucky, và bất cứ nơi đâu có ngành công nghiệp ô tô tại Hoa Kỳ vào đầu thập niên 1980 và sau đó, tạo ra việc làm thông qua đầu tư nước ngoài có thể hạ nhiệt trong các mối quan hệ song phương – nếu đó là các khoản đầu tư có trách nhiệm tuân thủ luật pháp quốc gia. Các khoản đầu tư tạo việc làm gần đây của Trung Quốc vào Nam Carolina, Kentucky, Minesota và Nevada ám chỉ rằng điều này cũng đúng với các khoản đầu tư của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa vào Hoa Kỳ<sup>45</sup>. Tương tự, mặc dù Hoa Kỳ là một nhà đầu tư nước ngoài trọng yếu tại Trung Quốc, tỉ trọng các dòng FDI phi tài chính của Hoa Kỳ vào Trung Quốc đã giảm từ 10,8% trong năm 2000 xuống chỉ còn 3,2% năm 2008<sup>46</sup>.

---

<sup>45</sup> Weston Sedgwick, “Nevada Lands First Chinese Wind Turbine Factory in US,” *Green Technology Daily*, March 11, 2010.

<sup>46</sup> “Foreign Direct Investment in China,” U.S.-China Business Council, 2010, [http://www.uschina.org/statistics/fdi\\_cumulative.html](http://www.uschina.org/statistics/fdi_cumulative.html).

Cuối cùng, cả Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Robert Gates và Bộ trưởng Bộ Thương mại Gary Locke đều kêu gọi cải cách kiểm soát xuất khẩu Hoa Kỳ (không chỉ là với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa), dựa trên triết lý tổng thể về kiểm soát ít hơn nhưng kiểm soát các mặt hàng chủ chốt tốt hơn, đồng thời củng cố quy trình ra quyết định qua ít cơ quan hành chính hơn nhằm đẩy nhanh các quyết định. Điều này sẽ thúc đẩy cả tăng trưởng kinh tế lẫn sự phụ thuộc lẫn nhau và, trên những khía cạnh này, là điều rất được mong đợi.

Bởi những nghi ngờ chiến lược chung có nguồn gốc từ nhiều góc cạnh trong mối quan hệ Hoa Kỳ-Trung Quốc, việc kiểm chế và giảm thiểu những nghi ngờ này sẽ là một nhiệm vụ dài hạn đòi hỏi cần được thực hiện trên nhiều mặt, bao gồm giáo dục về khả năng lãnh đạo, đàm phán về những tình thế chiến lược, thúc đẩy sự phụ thuộc lẫn nhau một cách có chủ đích, các biện pháp xây dựng niềm tin trên cơ sở đàm phán và đơn phương, tạo thế cân bằng về quyền lực, đồng thời thiết lập các tổ chức đa phương trong khu vực nhằm khuyến khích tin tưởng và cản trở xu hướng liều lĩnh.



---

## □ NHỮNG TÁC PHẨM DỊCH KHÁC

DC-21 Hai mươi ngộ nhận về thị trường, Tom G. Palmer, Phạm Nguyên Trường dịch.

DC-20 Phòng vấn Esther Duflo: Khi kinh tế học phát triển được thử thách trên thực địa, Nguyễn Đôn Phước dịch.

DC-19 Kinh tế học và Tri thức, Kreidrich A. von Hayek, Đinh Tuấn Minh dịch.

DC-18 Cuộc khủng hoảng kinh tế là khủng hoảng về lý thuyết kinh tế, Paul Alan Kirman, Nguyễn Quang A dịch.

DC-17 Làm sao các nhà kinh tế học đã hiểu làm đến vậy?, Paul Krugman, Nguyễn Quang A dịch.

---

## LIÊN HỆ

### Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 707, Nhà E4  
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy  
Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3 754 7506 -704/714

Fax: (84-4) 3 754 9921

Email: [info@vepr.org.vn](mailto:info@vepr.org.vn)

Website: [www.vepr.org.vn](http://www.vepr.org.vn)

Bản quyền © VEPR 2009 - 2013